**Software Dynamic Testing Document**

**for**

**Quản lý cơ sở dữ liệu**

**của trang web Hancity**

**Nhóm 12**

**Version 1.1**

**TP. Hồ Chí Minh, 01/05/2024**

**MỤC LỤC**

[**I. GIỚI THIỆU:**](#_30j0zll) **3**

[1. Mục đích:](#_1fob9te) 3

[2. Tổng quan:](#_3znysh7) 3

[**II. QUY TRÌNH KIỂM THỬ PHẦN MỀM:**](#_2et92p0) **4**

[1. Đăng nhập tài khoản:](#_q0sdy7c3l5nk) 4

[2. Đăng xuất tài khoản:](#_4t12uc84vk0p) 5

[3. Tài khoản người dùng:](#_6iiwd8a91o37) 5

[4. Xem thông báo, thông tin ưu đãi, hợp đồng, thông tin nhân viên:](#_r5ycwe5eo6n6) 5

[5. Tạo bài đăng:](#_frsmwuiqf96e) 6

[6. Xuất danh sách:](#_hii21ut8ohc5) 6

[7. Tạo tài khoản nhân viên](#_qt50xzks0cmb) 7

[8. Vô hiệu hóa người dùng:](#_9fved6n1ko1t) 7

[9. Thu thập thông tin:](#_47ui6ughmwy0) 7

# GIỚI THIỆU:

## Mục đích:

* Mục tiêu chính của thử nghiệm là: đảm bảo rằng hệ thống đáp ứng đầy đủ các yêu cầu (yêu cầu chức năng và phi chức năng), các số liệu phù hợp cho từng yêu cầu và đáp ứng các trường hợp sử dụng và duy trì chất lượng của sản phẩm. Vào cuối quy trình phát triển dự án, người dùng sẽ thấy rằng dự án đã đáp ứng hoặc vượt qua tất cả các mong đợi của họ như được nêu chi tiết trong các yêu cầu.
* Mục tiêu phụ của thử nghiệm sẽ là: xác định và chỉ ra tất cả các vấn đề cũng như rủi ro liên quan, truyền đạt tất cả các vấn đề đã biết cho nhóm dự án và đảm bảo rằng tất cả các vấn đề được giải quyết thích hợp trước khi bàn giao lại sản phẩm cho khách hàng.

## Tổng quan:

* Tài liệu chủ yếu nhằm mục tiêu kiểm tra GUI và xác thực dữ liệu đầu ra.
* Quy trình kiểm thử bao gồm:
* Thử nghiệm từng mô-đun
* Thử nghiệm liên kết giữa các mô-đun
* Thử nghiệm thực hiện trên toàn hệ thống

# QUY TRÌNH KIỂM THỬ PHẦN MỀM:

## Đăng nhập tài khoản:

| **Test case ID** | **Test case objective** | **Description** | **Expected result** | **Status (Pass/ Fail)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Xác minh rằng không thể Đăng nhập bằng UserID không hợp lệ | Nhập UserID không đúng định dạng hoặc không tồn tại | Hiển thị thông báo lỗi "UserID không hợp lệ" hoặc “không tồn tại”, textbox UserName được focus | Pass |
|  | Xác minh rằng mật khẩu ở định dạng được mã hóa | Nhập mật khẩu | Hiển thị mật khẩu dưới dạng được mã hóa, textbox Mật khẩu được focus | Pass |
|  | Xác minh rằng không thể nhập mật khẩu vượt quá giới hạn ký tự | Nhập mật khẩu vượt quá giới hạn ký tự | Hiển thị thông báo lỗi "Vượt quá giới hạn ký tự, textbox Mật khẩu được focus | Pass |
|  | Xác minh đăng nhập | Nhập mật khẩu trùng khớp với mật khẩu của tài khoản | Hiển thị thông báo lỗi "Mật khẩu không đúng”, textbox Mật khẩu được focus | Pass |
|  | Xác minh rằng không thể đăng nhập khi bỏ trống tài khoản và mật khẩu | Không bỏ trống tài khoản và mật khẩu | Hiển thị thông báo lỗi “Vui lòng nhập tài khoản”, “Vui lòng nhập mật khẩu”, textbox tài khoản và mật khẩu được focus lần lượt | Pass |

## Đăng xuất tài khoản:

| **Test case ID** | **Test case objective** | **Description** | **Expected result** | **Status (Pass/ Fail)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Xác minh rằng không thể Đăng xuất khi chưa đăng nhập | User chưa đăng nhập thì không hiển thị nút đăng xuất | Không hiển thị | Pass |
|  | Xác minh rằng sau khi đăng xuất sẽ không thể thao tác các chức năng trong phần mềm | User đã đăng xuất không thể thao tác trên phần mềm trừ chức năng đăng nhập | Hiển thị thông báo “Vui lòng đăng nhập để thao tác”. | Pass |

## Tài khoản người dùng:

| **Test case ID** | **Test case objective** | **Description** | **Expected result** | **Status (Pass/ Fail)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Hiện thông tin | Hiện các thông tin của người dùng | Hiện ra data | Pass |
| 2 | Xác minh rằng user được phân quyền mới được phép chỉnh sửa thông tin | Chỉ có quản lý và tổ trưởng cùng phòng ban mới chỉnh sửa được thông tin của cấp thấp hơn | Không hiển thị nút chỉnh sửa | Pass |

## Xem thông báo, thông tin ưu đãi, hợp đồng, thông tin nhân viên:

| **Test case ID** | **Test case objective** | **Description** | **Expected result** | **Status (Pass/ Fail)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Hiển thị số lượng thông báo chưa xem | Hiển thị số lượng thông báo mới (chưa xem) ở biểu tượng | Hiển thị số lượng | Pass |
| 2 | Xem chi tiết thông báo | Người dùng ấn vào dòng thông báo để xem chi tiết | Không hiển thị nút chỉnh sửa | Pass |
| 3 | Xem chi tiết thông tin ưu đãi | Hiển thị đầy đủ thông tin ưu đãi | Hiển thị thông tin | Pass |
| 4 | Xem chi tiết hợp đồng | Chỉ cho phép nhân viên được phân công và cấp quyền xem, hiển thị đầy đủ thông tin của hợp đồng | Hiển thị thông báo lỗi “Người dùng không có quyền truy cập” | Pass |
| 5 | Xem chi tiết thông tin nhân viên và đánh giá | Chỉ cho phép tổ trưởng, quản lý được đánh giá và xem thông tin nhân viên | Hiển thị thông tin và xác nhận đánh giá nhân viên | Pass |

## Tạo bài đăng:

| **Test case ID** | **Test case objective** | **Description** | **Expected result** | **Status (Pass/ Fail)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Xác minh rằng không thể tạo bài đăng nếu không đủ thông tin cần thiết | Tạo tài khoản cho nhân viên mới cần nhập đủ thông tin ưu đãi | Hiển thị thông báo lỗi “Cần nhập đủ thông tin ưu đãi” | Pass |
| 2 | Xác minh rằng mỗi thông tin ưu đãi chỉ có thể tạo một bài đăng | Chọn thông tin ưu đãi và chọn tạo bài đăng | Hiển thị thông báo lỗi “Thông tin ưu đãi đã có bài đăng” | Pass |
| 3 | Xác minh rằng nhân viên không tạo bài đăng đó không thể tự chỉnh sửa hoặc xoá (trừ tổ trưởng và quản lý) | Nhân viên đã tạo bài đăng đó có quyền xoá, sửa hoặc tổ trưởng và quản lý cấp cao hơn | Hiển thị thông báo lỗi “Người dùng không có quyền chỉnh sửa” | Pass |

## Xuất danh sách:

| **Test case ID** | **Test case objective** | **Description** | **Expected result** | **Status (Pass/ Fail)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Xác minh rằng người dùng có chọn dòng dữ liệu để xuất danh sách | Người dùng phải chọn dòng dữ liệu để xuất danh sách hoặc toàn bộ dữ liệu để xuất | Hiển thị thông báo lỗi “Người dùng chưa chọn dữ liệu để xuất danh sách” | Pass |
| 2 | Xác minh rằng người dùng có xác nhận tải xuống | Sau khi xuất danh sách, hệ thống sẽ hiển thị thông báo xác nhận tải xuống | Hiển thị thông báo “Xác nhận tải xuống tài liệu vừa xuất danh sách” | Pass |

## Tạo tài khoản nhân viên

| **Test case ID** | **Test case objective** | **Description** | **Expected result** | **Status (Pass/ Fail)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Hiển thị form điền thông tin nhân viên | Điền thông tin vào form | Hiện ra form | Pass |
| 2 | Xác nhận các dòng dữ liệu hợp lệ | Thông tin nhân viên như tên, gmail, số điện thoại,... phải hợp lệ | Hiển thị textbox “Thông tin không hợp lệ, không thể tạo tài khoản”, textbox sai format sẽ được focus | Pass |

## Vô hiệu hóa người dùng:

| **Test case ID** | **Test case objective** | **Description** | **Expected result** | **Status (Pass/ Fail)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Xác minh rằng có thể tìm kiếm nhân viên | Chọn nút Tìm kiếm | Hiển thị đúng các nhân viên cần tìm | Pass |
| 2 | Xác minh rằng có thể xóa nhân viên | Chọn nút Vô hiệu hóa | Vô hiệu hóa nhân viên khỏi Danh sách nhân viên | Pass |

## Thu thập thông tin:

| **Test case ID** | **Test case objective** | **Description** | **Expected result** | **Status (Pass/ Fail)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Xác minh rằng thông tin thu thập trên google map có bao gồm link facebook | Chọn nút thu thập thông tin | Hệ thống tự động loại bỏ thông tin thu thập được từ google map nếu không có link facebook | Pass |
| 2 | Xác minh rằng có các thông tin thu thập được phân loại theo danh mục được định sẵn | Chọn nút thu thập thông tin | Hệ thống tự động phân loại và hiển thị thông tin dưới dạng danh sách | Pass |
| 3 | Xác minh rằng các thông tin thu thập được là các cửa hàng theo 7 danh mục được quy định sẵn | Chọn nút thu thập thông tin | Hệ thống tự động lọc và phân loại | Pass |